TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HSST
Ngày: 24/6/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh.

-*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Ngô Văn Khon.

2. Ông Phan Thanh Tâm.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trịnh Thanh Phong, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*: Ông Trần Văn Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình. Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 12/2019/HSST ngày 16/4/2019 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Lê Khắc T**, sinh năm 1978, tại Đồng Tháp.

Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: số 00, TTT, khóm 1, Phường 2, thành phố 3, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Công Chức; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Là Đảng viên đã bị đình chỉ sinh hoạt; Con ông Lê Quang B, sinh năm 1945. Nghề nghiệp: Mua bán và bà: Trần Hồng X, sinh năm 1950. Nghề nghiệp: Nội trợ. Cùng ngụ: số 00, TTT, khóm 1, Phường 2, thành phố 3, tỉnh An Giang; Có vợ: Huỳnh Hồng T1, sinh năm 1978. Nghề nghiệp: Giáo viên; Con: 01 người con, tên Lê Huỳnh N, sinh năm 1996; Anh, chị, em: 02 người chị; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý về hành vi gì, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số 01 ngày 02/02/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Bình.

Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Khắc T là ông Lê Văn P - Luật sư Văn phòng Luật sư Lê Văn P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân xã 5.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Bác A, sinh năm 1974. Có mặt

Chức vụ: Chủ tịch UBND xã 5.

+ Nguyễn Văn Út N, sinh năm: 1963; Có mặt

Địa chỉ: Ấp 4, xã 5, huyện 6, tỉnh Đồng Tháp.

+ Nguyễn Phi H, sinh năm: 1967. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 4, xã 5, huyện 6, tỉnh Đồng Tháp.

+ Trần Thị Ngọc P, sinh năm 1982. Có mặt

Địa chỉ: Ấp 7, xã 8, huyện 6, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2001 đến năm 2014 bị cáo Lê Khắc T là Công chức Tài chính - Kế toán xã 5, huyện 6. Được phân công trực tiếp phụ trách kế toán ngân sách xã, nhiệm vụ cụ thể như: tham mưu cho Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã trong việc quản lý ngân sách xã; các khoản thu, chi ngân sách Nhà nước của xã 5.

Thực hiện Quyết định số: 63/QĐ-UB.ND ngày 16/02/2005 của UBND tỉnh về việc giải quyết đơn yêu cầu đòi lại đất do Nhà nước trưng dụng xây dựng Trạm y tế xã 5 của ông Lê Văn L, sinh năm 1925, ngụ ấp 4, xã 5. Ngày 22/12/2005 Chủ tịch UBND huyện ban hành Công văn số: 712/UB phê duyệt giá bồi thường đất cho ông L là 80.000 đồng/1m^2 x diện tích 2.349m^2, tổng số tiền là 187.920.000 đồng và giao UBND xã, Phòng Tài chính Kế hoạch, Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện bồi thường cho ông Lê Văn L. Phòng Tài chính Kế hoạch huyện đã lập thủ tục cấp tiền bồi thường đất là 187.920.000 đồng, giao cho UBND xã 5 qua tài khoản 936.03.00.13000 tại Kho bạc Nhà nước huyện.

Ngày 10/02/2006, Chủ tịch UBND xã 5 là ông Nguyễn Phi H, chủ tài khoản và Kế toán là Lê Khắc T ký tờ séc số: CQ0073565 rút tiền mặt 187.920.000 đồng, phân công thủ quỹ Trần Thị Ngọc P đến Kho bạc nhà nước huyện rút tiền về tạm gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân xã 5 để sau này chi trả bồi thường cho ông L.

Ngày 28/3/2006, Phó Chủ tịch UBND xã 5 là ông Trần Minh S mời ông L đến thực hiện chi trả tiền bồi thường nhưng ông L không nhận tiền. Sau đó, ông Nguyễn Phi H chỉ đạo bị cáo Lê Khắc T rút tiền từ Quỹ tín dụng nhân dân xã 5 gửi

vào Kho bạc nhà nước hoặc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Thanh Bình theo quy định, ngày 19/4/2006, Lê Khắc T yêu cầu Trần Thị Ngọc P rút số tiền 187.920.000 đồng và tiền lãi là 1.202.600 đồng đến gửi tại Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Thanh Bình.

Ngày 26/3/2009, ông Nguyễn Văn Út N - Chủ tịch UBND xã 5 chủ trì mời ông L tiếp tục trao tiền bồi thường đất nhưng ông L vẫn không nhận tiền nên ông Nguyễn Văn Út N chỉ đạo bị cáo T gửi tiếp số tiền này vào Ngân hàng NN & PTNT chi nhánh Thanh Bình và bị cáo T đã yêu cầu Trần Thị Ngọc P mang số tiền trên đến gửi tại Ngân hàng nói trên dưới hình thức "Sổ tiết kiệm có thời hạn" mang tên cá nhân Trần Thị Ngọc P.

Ngày 17/8/2009, P tự ý đến Ngân hàng NN & PTNT chi nhánh Thanh Bình rút số tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi 219.200 đồng, ngày 21/8/2009 P tiếp tục rút hết số tiền gốc còn lại là 137.920.000 đồng và tiền lãi 46.000 đồng để tiêu xài cá nhân; đến tháng 10/2014 hành vi phạm tội của Trần Thị Ngọc P bị phát hiện và bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội Tham ô tài sản quy định tại Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999 *(nay là là Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017)*. Theo bản án sơ thẩm số: 20/2016 ngày 24/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình và Bản án phúc thẩm số: 283/2016 ngày 29/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, về trách nhiệm dân sự buộc chị Trần Thị Ngọc P phải khắc phục hậu quả trả lại cho Ủy ban nhân dân xã 5 số tiền 189.507.8000đồng, chị P đã khắc phục được 51.593.000đồng theo Quyết định thi hành án số: 385/QĐ -CCTHADS ngày 17/2/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, còn lại 137.914.800đồng chị P phải tiếp tục thi hành án.

- Đối với các ông Nguyễn Phi H và Nguyễn Văn Út N có hành vi sai phạm là thiếu kiểm tra giám sát để Trần Thị Ngọc P rút tiền chiếm đoạt, gây thất thoát cho Nhà nước số tiền 189.507.800 đồng. Tuy nhiên việc vi phạm của ông H, Út N là sai phạm trong kiểm tra, giám sát cấp dưới chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan Điều tra đã kiến nghị xử lý hành chính đối với ông H và ông Út N.

Tại bản Cáo trạng số: 13/CT-VKS –TB ngày 12/4/2019 của Viện kiểm sát huyện Thanh Bình truy tố bị cáo T về tội " *Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"*. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999, nay là điểm d khoản 1 Điều 360 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Lê Khắc T là Kế toán trưởng Ủy ban nhân dân xã 5, huyện Thanh Bình, được phân công trực tiếp phụ trách kế toán ngân sách, tham mưu cho Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy nhân dân xã 5 trong việc quản lý ngân sách xã; các khoản thu, chi ngân sách Nhà nước của xã 5 nhưng bị cáo có hành vi sai phạm, thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát công tác tài chính được giao dẫn đến chậm

phát hiện hành vi phạm tội của Trần Thị Ngọc P tự ý rút chiếm đoạt tiền ngân sách, gây thiệt hại lớn cho ngân sách Nhà nước số tiền 189.507.800 đồng *(gồm tiền lãi là 1.587.000 đồng)*, với trách nhiệm là Kế toán ngân sách Nhà nước của Ủy ban nhân dân xã 5 nên Lê Khắc T phải chịu trách nhiệm hành vi của mình gây ra. Hành vi của bị cáo đã phạm tội *" Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng "* quy định tại Điều 285 Bộ luật dân sự năm 1999. Áp dụng Nghị quyết số 41 hướng dẫn áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 thì hành vi của bị cáo T được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết tăng nặng: không

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có thành tích xuất sắc trong công tác, bản thân không có tiền án, tiền sự, hậu quả đã được khắc phục một phần tại vụ án Tham ô tài sản đã được xét xử nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Lê Khắc T phạm tội "*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"*.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360; điểm s, v Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2 Nghị quyết: 02/2018 ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tôi cao, xử phạt bị cáo T từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

Về hình phạt bổ sung: Không; Về xử lý vật chứng: Không; Về trách nhiệm dân sự: Không.

Ý kiến của người bào chữa: Thống nhất nội dung bản Cáo trạng số: 13/CT-VKS –TB ngày 12/4/2019 của Viện kiểm sát huyện Thanh Bình truy tố bị cáo T về tội "*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"*. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999, nay là điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết bị cáo T thật thà khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; có thành tích xuất sắc trong công tác; chưa có tiền án, tiền sự. Theo diễn biến tình hình đến nay thì hành vi phạm tội của bị cáo T không còn là nguy hiểm cho xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo là phù hợp với quy định.

Ý kiến của bị cáo: Bị cáo T thống nhất bản bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Đại diện Ủy ban nhân dân xã 5, huyện Thanh Bình là ông Nguyễn Bác A thống nhất bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giãm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Ông Nguyễn Văn Út N thống nhất bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình.

Chị Trần Thị Ngọc P thống nhất bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án về thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát.

Với trách nhiệm là kế toán xã 5 từ năm 2001 đến năm 2014 bị cáo được phân công trực tiếp phụ trách kế toán ngân sách xã, nhiệm vụ cụ thể như: tham mưu cho Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã trong việc quản lý ngân sách xã; các khoản thu, chi ngân sách Nhà nước của xã 5. Bị cáo T đã thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính thường xuyên tại đơn vị, chưa thực hiện đúng nhiệm vụ được phân công, để cho Trần Thị Ngọc P tự ý rút số tiền 189.507.800 đồng (gồm tiền lãi) được ký gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện tiêu xài cá nhân, gây thiệt hại lớn cho ngân sách Nhà nước số tiền 189.507.800 đồng. Hành của bị cáo là vi phạm pháp luật tại Khoản 2 Điều 5 Luật kế toán năm 2003, nay là khoản 2 Điều 4 Luật kế toán năm 2015, nhiệm vụ kế toán quy định: " Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán". Mục 9 phần 1 Quyết định: 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ tài chính về Chế độ kế toán ngân sách xã và tài chính xã, quy định: " Các xã được tự kiểm tra tài chính - kế toán một cách thường xuyên, liên tục, có hệ thống, toàn diện tình hình tài chính, ngân sách ngay trong khi thực hiện công việc kế toán của từng kỳ kế toán nhằm đảm bảo công tác kế toán được thực hiện đúng theo chế

độ Tài chính - Kế toán ngay từ đầu". Với những phân tích nêu trên, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội "*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"* Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999, áp dụng Nghị quyết số: 41 hướng dẫn áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 nay là điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điều 360. Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng quy định:

1. Người nào có chức vụ, quyền hạn vì thiếu trách nhiệm mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 179, 308 và 376 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm.

a)……..

d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

[2] Xét hành vi thiếu trách nhiệm, gây hậu quả nghiêm trọng của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gián tiếp gây thiệt hại Ngân sách Nhà nước, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy cần thiết phải đưa ra xét xử nghiêm trước pháp luật, áp dụng một mức hình phạt phù hợp với hành vi và mức độ phạm tội của bị cáo gây ra, để nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành con người có ích cho gia đình và xã hội về sau này, nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và cũng nhằm mang tính chất phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[2.1] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo T như đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có thành tích xuất sắc trong công tác, bản thân không có tiền án, tiền sự, hậu quả đã được khắc phục một phần tại vụ án Tham ô tài sản đã được xét xử tại bản án sơ thẩm số: 20/2016 ngày 24/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình và bản án phúc thẩm số: 283/2016 ngày 29/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên xét thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà nên giao bị cáo cho chính quyền địa phương để giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội là phù hợp định tại Điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2.2] Về hình phạt bổ sung: Tại phiên tòa, kiểm sát viên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung. Do đó không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

[3] Về vật chứng: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đã được xét xử tại bản án sơ thẩm số: 20/2016 ngày 24/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình và bản án phúc thẩm số:

283/2016 ngày 29/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, buộc chị Trần Thị Ngọc P phải khắc phục hậu quả trả lại cho Ủy ban nhân dân xã 5 số tiền 189.507.8000đồng, chị P đã khắc phục được 51.593.000đồng theo Quyết định thi hành án số: 385/QĐ-CCTHADS ngày 17/2/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, còn lại 137.914.800đồng chị P phải tiếp tục thi hành án nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình là có cơ sở nên Hội đồng xét xử xem xét.

[6] Xét đối với đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo T, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo T. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo T là cán bộ công chức nhà nước, là đảng viên được phân công nhiệm vụ trực tiếp quản lý Ngân sách nhà nước, được đào tạo nghiệp vụ kế toán qua trường lớp, nhưng bị cáo thiếu kiểm tra, giám sát trong việc thu chi để gây hậu quả nghiêm trọng, làm thất thoát tiền của Nhà nước. Nên không chấp nhận lời đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo T là phù hợp Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Đại diện Ủy ban nhân dân xã 5, huyện Thanh Bình là ông Nguyễn Bác A không ý kiến yêu cầu bị cáo T khắc phục hậu quả số tiền còn lại 137.914.800đồng vì đã được Tòa án giải quyết bằng bản án sơ, phúc thẩm trước đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giãm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Ủy ban nhân dân xã 5, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp là có cơ sở nên Hội đồng xét xử xem xét.

[8] Đối với các ông Nguyễn Phi H và Nguyễn Văn Út N có hành vi sai phạm là thiếu kiểm tra, giám sát dẫn đến chậm phát hiện hành vi phạm tôi của chị Trần Thị Ngọc P, gây thất thoát cho Nhà nước số tiền 189.507.800 đồng. Tuy nhiên việc vi phạm của các ông H, Út N là sai phạm trong kiểm tra, giám sát cấp dưới chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan Điều tra đã kiến nghị xử lý hành chính đối với ông H và ông Út N theo kiến nghị số: 22/CSĐT-ĐTTH ngày 18/3/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Bình, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Thanh Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi , quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 360; điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo Lê Khắc T đã phạm Tội " *Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"*.

Xử phạt bị cáo Lê Khắc T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/6/2019).

Giao bị cáo Lê Khắc T cho Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố 3, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố 3, tỉnh An Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Lê Khắc T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về vật chứng: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Đã được xét xử tại bản án sơ thẩm số: 20/2016 ngày 24/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình và bản án phúc thẩm số: 283/2016 ngày 29/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, buộc chị Trần Thị Ngọc P phải khắc phục hậu quả trả lại cho Ủy ban nhân dân xã 5 số tiền 189.507.8000đồng, chị P đã khắc phục được 51.593.000đồng theo Quyết định thi hành án số: 385/QĐ-CCTHADS ngày 17/2/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, còn lại 137.914.800đồng chị P phải tiếp tục thi hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/6/2019).

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án ND. tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp Đồng Tháp;
- VKSND. huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- Bị cáo, người bào chữa,
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ và Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Trinh